

SỞ Y TẾ HÀ NAM
TRUNG TÂM KSBT TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 443 /KSBT

Hà Nam, ngày 10 tháng 7 năm 2020

V/v thông báo kết quả xét nghiệm nước
Công ty CPNS Hà Nam tháng 6/2020

Kính gửi :

- Thường trực tỉnh Ủy Hà Nam;
- Thường trực HĐND tỉnh Hà Nam;
- UBND tỉnh Hà Nam;
- Sở Xây dựng Hà Nam;
- Sở Y tế Hà Nam;
- UBND thành phố Phủ Lý;
- Công ty Cổ phần Nước sạch Hà Nam.

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành QCVN 01: 2009/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống”;

Căn cứ Công văn số 1726/UBND-KGVX ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Hà Nam về việc triển khai thực hiện Thông tư 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế;

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam tiến hành giám sát và lấy mẫu nước thành phẩm tại Công ty Cổ phần Nước sạch Hà Nam.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam xin thông báo kết quả xét nghiệm mẫu nước tháng 6 năm 2020 của Công ty Cổ phần Nước sạch Hà Nam như sau:

I. TỔNG SỐ MẪU ĐƯỢC XÉT NGHIỆM: 09 mẫu trong đó:

- 03 mẫu nước thành phẩm tại 03 nhà máy;
- 06 mẫu trên mạng lưới đường ống phân phối của Công ty tại các hộ gia đình.

II. KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

1. Kết quả xét nghiệm vi sinh vật: (Các chỉ số xét nghiệm và giới hạn cho phép gồm: *Coliform* tổng số: 0 MPN/100ml, *E.coli*: 0 MPN/100ml), trong đó:

- 03 mẫu nước thành phẩm tại nhà máy: Đạt tiêu chuẩn;
- 06 mẫu trên mạng lưới đường ống phân phối của Công ty tại các hộ gia đình: Đạt tiêu chuẩn.

Như vậy, về mặt vi sinh vật tất cả 09/09 mẫu trên đều trong giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống”.

2. Kết quả xét nghiệm lý - hóa:

Các chỉ số xét nghiệm và giới hạn cho phép gồm: *Màu sắc: 15 TCU; Mùi vị: không có mùi, vị lạ; pH: 6,5-8,5; Độ đục: 2 NTU; Độ cứng: 300 mg/l; Clorua: 250 mg/l; Mangan: 0,3 mg/l; Sắt tổng số: 0,3 mg/l; Nitrit: 3 mg/l; Nitrat: 50 mg/l; Asen: 0,01 mg/l; Chỉ số pecmanganat: 2 mg/l; Amoni: 3 mg/l; Clo dư: 0,3-0,5 mg/l; Sunphat: 250 mg/l; trong đó:*

- 01 mẫu nước thành phẩm lấy tại nhà máy số 1 (tại Quang Trung, Phù Lý, Hà Nam), phiếu kiểm nghiệm số 537/XN-KSBT: Đạt tiêu chuẩn;

- 01 mẫu nước thành phẩm lấy tại nhà máy số 2 (tại Thanh Sơn, Kim Bảng, Hà Nam), phiếu kiểm nghiệm số 543/XN-KSBT: Đạt tiêu chuẩn;

- 01 mẫu nước thành phẩm lấy tại nhà máy nước sạch sông Hồng (tại Mộc Nam, Duy Tiên, Hà Nam), phiếu kiểm nghiệm số 540/XN-KSBT: Đạt tiêu chuẩn;

- 01 mẫu nước trên mạng lưới đường ống phân phối của nhà máy số 1 (tại gia đình Nguyễn Thị Phượng, xóm 3, Phù Vân, Phù Lý, Hà Nam), phiếu kiểm nghiệm số 538/XN-KSBT: Đạt tiêu chuẩn;

- 01 mẫu nước trên mạng lưới đường ống phân phối của nhà máy số 1 (tại gia đình Ngô Xuân Mười, Đình Tràng, Phù Lý, Hà Nam), phiếu kiểm nghiệm số 539/XN-KSBT: Không đạt tiêu chuẩn (Chỉ số pecmanganat 2,48 mg/l);

- 01 mẫu nước trên mạng lưới đường ống phân phối của nhà máy số 2 (tại gia đình Duy Mạnh, thôn 3, Thi Sơn, Kim Bảng, Hà Nam), phiếu kiểm nghiệm số 544/XN-KSBT: Đạt tiêu chuẩn;

- 01 mẫu nước trên mạng lưới đường ống phân phối của nhà máy số 2 (tại số nhà 1, đường Lý Thường Kiệt, Lê Hồng Phong, Phù Lý, Hà Nam), phiếu kiểm nghiệm số 545/XN-KSBT: Không đạt tiêu chuẩn (Chỉ số pecmanganat 2,4 mg/l);

- 01 mẫu nước trên mạng lưới đường ống phân phối của nhà máy nước sạch sông Hồng (tại gia đình Lê Văn Boong, Bùi Xá, Yên Bắc, Duy Tiên, Hà Nam), phiếu kiểm nghiệm số 541/XN-KSBT: Đạt tiêu chuẩn;

- 01 mẫu nước trên mạng lưới đường ống phân phối của nhà máy nước sạch sông Hồng (tại số nhà 868, Bùi Xá, Yên Bắc, Duy Tiên, Hà Nam), phiếu kiểm nghiệm số 542/XN-KSBT: Đạt tiêu chuẩn.

Như vậy, về mặt lý - hóa, 07/09 mẫu trên đạt tiêu chuẩn cho phép 15 thông số xét nghiệm và 02/09 mẫu không đạt tiêu chuẩn cho phép 01/15 thông số xét nghiệm theo QCVN 01:2009/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống”.

III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- 03 mẫu nước thành phẩm tại 03 nhà máy và 04 mẫu trên mạng lưới đường ống phân phối của Công ty Cổ phần Nước sạch Hà Nam đạt 17 thông số xét nghiệm (15 thông số nhóm A và 02 thông số nhóm B) trong QCVN 01:2009/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống”.

- 02 mẫu trên mạng lưới đường ống phân phối của Công ty Cổ phần Nước sạch Hà Nam không đạt tiêu chuẩn 01/17 thông số xét nghiệm (15 thông số nhóm A và 02 thông số nhóm B) trong QCVN 01:2009/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống”, trong đó 01 mẫu lấy tại gia đình Ngô Xuân Mười, Đình Tràng, Phủ Lý, Hà Nam: chỉ số pecmanganat 2,48 mg/l và 01 mẫu lấy tại số nhà 1, đường Lý Thường Kiệt, Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam: chỉ số pecmanganat 2,4 mg/l.

2. Kiến nghị

Đề nghị Công ty Cổ phần Nước sạch Hà Nam có biện pháp khắc phục kịp thời hệ thống xử lý tại nhà máy và hệ thống đường ống để đảm bảo nguồn nước cung cấp cho nhân dân sử dụng đạt tiêu chuẩn nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT. *mb*

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cục Quản lý MT Y tế; (để báo cáo)
- Lưu: VT, SKMT-YTTH.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Dương

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 537/XN-KSBT)



1. Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM**
2. Mã số mẫu: 20.06.25 - 537/QL - NTP
3. Mô tả mẫu: Mẫu được lấy đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
5. Ngày lấy mẫu: 25/06/2020
6. Ngày nhận mẫu: 25/06/2020
7. Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/06/2020 đến 08/07/2020.
8. Nơi lấy mẫu: Nhà máy số 1 – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam
Địa chỉ: Quang Trung, Phủ Lý, Hà Nam.
9. Tài liệu kèm theo: Không
10. Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	12,5	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,1	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,82	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/l	152	300
6	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/l	63,82	250
7	Hàm lượng Mangan (*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,054	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số (*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,067	0,3
9	Hàm lượng Nitrit (*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,081	3
10	Hàm lượng Nitrat (*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	2,7	50
11	Hàm lượng Asen(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (< 0,001)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/l	2,0	2
13	Hàm lượng Amoni (*)	TCVN 6179:1996	mg/l	0,98	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,46	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	39,4	250
16	Coliforms (*)	TCVN	MPN/	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli (*)	6187-2:1996	100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm.

Hà Nam, ngày 08 tháng 07 năm 2020

KIỂM NGHIỆM VIÊN



**KI. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

KS Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 538/XN-KSBT)



1. Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM 1**
2. Mã số mẫu: 20.06.25 - 538/QL - NTP
3. Mô tả mẫu: Mẫu được lấy đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
5. Ngày lấy mẫu: 25/06/2020
6. Ngày nhận mẫu: 25/06/2020
7. Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/06/2020 đến 08/07/2020.
8. Nơi lấy mẫu: Lấy tại gia đình Nguyễn Thị Phụng (Mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy số 1 – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam)
Địa chỉ: Xóm 3, Phủ Vân, Phủ Lý, Hà Nam.
9. Tài liệu kèm theo: Không
10. Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	12,6	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,1	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,84	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/l	152	300
6	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/l	63,82	250
7	Hàm lượng Mangan (*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,055	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số (*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,067	0,3
9	Hàm lượng Nitrit (*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,081	3
10	Hàm lượng Nitrat (*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	2,7	50
11	Hàm lượng Asen(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (< 0,001)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/l	2,0	2
13	Hàm lượng Amoni (*)	TCVN 6179:1996	mg/l	1,07	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,38	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	39,5	250
16	Coliforms (*)	TCVN	MPN/	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli (*)	6187-2:1996	100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM 1” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm.

Hà Nam, ngày 08 tháng 07 năm 2020

KIỂM NGHIỆM VIÊN



KI. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 539/XN-KSBT)



1. Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM 2**
2. Mã số mẫu: 20.06.25 - 539/QL - NTP
3. Mô tả mẫu: Mẫu được lấy đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
5. Ngày lấy mẫu: 25/06/2020
6. Ngày nhận mẫu: 25/06/2020
7. Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/06/2020 đến 08/07/2020.
8. Nơi lấy mẫu: Lấy tại gia đình Ngô Xuân Mười (Mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy số 1 – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam)
Địa chỉ: Đình Tràng, Phủ Lý, Hà Nam.
9. Tài liệu kèm theo: Không
10. Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	12,6	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,1	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,84	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/l	154	300
6	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/l	63,82	250
7	Hàm lượng Mangan (*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,057	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số (*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,067	0,3
9	Hàm lượng Nitrit (*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,082	3
10	Hàm lượng Nitrat (*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	2,8	50
11	Hàm lượng Asen(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (< 0,001)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/l	2,48	2
13	Hàm lượng Amoni (*)	TCVN 6179:1996	mg/l	1,1	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,33	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	39,2	250
16	Coliforms (*)	TCVN	MPN/	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli (*)	6187-2:1996	100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.
Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.
12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM 2” trên không đạt tiêu chuẩn.

Hà Nam, ngày 08 tháng 07 năm 2020

KIỂM NGHIỆM VIÊN



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

KS. Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

SỞ Y TẾ HÀ NAM
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: Đường Trường Chinh, P.Minh Khai, TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0226.3850525 Email: xetnghiemhanam@gmail.com

PHIẾU KIỂM NGHIỆM

(Số: 540/XN-KSBT)



- Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM**
- Mã số mẫu: 20.06.25 - 540/QL - NTP
- Mô tả mẫu: Mẫu được lấy đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 25/06/2020
- Ngày nhận mẫu: 25/06/2020
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/06/2020 đến 08/07/2020.
- Nơi lấy mẫu: Nhà máy nước sạch Sông Hồng – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam
Địa chỉ: Mộc Nam, Duy Tiên, Hà Nam.
- Tài liệu kèm theo: Không
- Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	9,1	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,3	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,68	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/l	180	300
6	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/l	31,2	250
7	Hàm lượng Mangan (*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,024	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số (*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,043	0,3
9	Hàm lượng Nitrit (*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,074	3
10	Hàm lượng Nitrat (*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	1,1	50
11	Hàm lượng Asen (*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (< 0,001)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/l	0,96	2
13	Hàm lượng Amoni (*)	TCVN 6179:1996	mg/l	KPH (< 0,064)	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,45	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	21,4	250
16	Coliforms (*)	TCVN	MPN/	KPH(<3MPN/100ml)	0
17	E. coli(*)	6187-2:1996	100ml	KPH(<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm.

Hà Nam, ngày 08 tháng 07 năm 2020

KIỂM NGHIỆM VIÊN



LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

SỞ Y TẾ HÀ NAM
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: Đường Trường Chinh, P.Minh Khai, TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Điện thoại: 0226.3850525 Email: xetnghiemhanam@gmail.com

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 541/XN-KSBT)



- Tên mẫu: NƯỚC THÀNH PHẨM 1
- Mã số mẫu: 20.06.25 - 541/QL - NTP
- Mô tả mẫu: Mẫu được lấy đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 25/06/2020
- Ngày nhận mẫu: 25/06/2020
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/06/2020 đến 08/07/2020.
- Nơi lấy mẫu: Lấy tại gia đình Lê Văn Boong (Mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước sạch Sông Hồng – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam)
Địa chỉ: Bùi Xá, Yên Bắc, Duy Tiên, Hà Nam.
- Tài liệu kèm theo: Không
- Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	9,2	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,3	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,7	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/l	180	300
6	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/l	31,2	250
7	Hàm lượng Mangan (*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,025	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số (*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,045	0,3
9	Hàm lượng Nitrit (*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,072	3
10	Hàm lượng Nitrat (*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	1,2	50
11	Hàm lượng Asen(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (< 0,001)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/l	0,96	2
13	Hàm lượng Amoni (*)	TCVN 6179:1996	mg/l	KPH (< 0,064)	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,35	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	21,5	250
16	Coliforms (*)	TCVN	MPN/	KPH(<3MPN/100ml)	0
17	E. coli(*)	6187-2:1996	100ml	KPH(<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM 1” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm.

Hà Nam, ngày 08 tháng 07 năm 2020

KIỂM NGHIỆM VIÊN



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 542/XN-KSBT)



1. Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM 2**
2. Mã số mẫu: 20.06.25 - 542/QL - NTP
3. Mô tả mẫu: Mẫu được lấy đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
5. Ngày lấy mẫu: 25/06/2020
6. Ngày nhận mẫu: 25/06/2020
7. Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/06/2020 đến 08/07/2020.
8. Nơi lấy mẫu: Lấy tại số nhà 868 (Mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước sạch Sông Hồng – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam)
Địa chỉ: Bùi Xá, Yên Bắc, Duy Tiên, Hà Nam.
9. Tài liệu kèm theo: Không
10. Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	9,2	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,3	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,72	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/l	182	300
6	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/l	31,2	250
7	Hàm lượng Mangan (*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,027	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số (*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,045	0,3
9	Hàm lượng Nitrit (*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,070	3
10	Hàm lượng Nitrat (*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	1,2	50
11	Hàm lượng Asen(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (< 0,001)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,12	2
13	Hàm lượng Amoni (*)	TCVN 6179:1996	mg/l	KPH (< 0,064)	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,33	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	21,7	250
16	Coliforms (*)	TCVN	MPN/	KPH(<3MPN/100ml)	0
17	E. coli(*)	6187-2:1996	100ml	KPH(<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM 2” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm.

Hà Nam, ngày 08 tháng 07 năm 2020

KIỂM NGHIỆM VIÊN

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ



**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS Nguyễn Minh Thái**

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 543/XN-KSBT)

1. Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM**
2. Mã số mẫu: 20.06.25 - 543/QL - NTP
3. Mô tả mẫu: Mẫu được lấy đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
5. Ngày lấy mẫu: 25/06/2020
6. Ngày nhận mẫu: 25/06/2020
7. Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/06/2020 đến 08/07/2020.
8. Nơi lấy mẫu: Nhà máy số 2 – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam
Địa chỉ: Thanh Sơn, Kim Bảng, Hà Nam.
9. Tài liệu kèm theo: Không
10. Kết quả kiểm nghiệm:



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	11,1	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,1	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,72	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/l	136	300
6	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/l	58,14	250
7	Hàm lượng Mangan (*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,064	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số (*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,051	0,3
9	Hàm lượng Nitrit (*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,086	3
10	Hàm lượng Nitrat (*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	2,6	50
11	Hàm lượng Asen(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (< 0,001)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/l	2,0	2
13	Hàm lượng Amoni (*)	TCVN 6179:1996	mg/l	0,65	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,5	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	36,2	250
16	Coliforms (*)	TCVN	MPN/	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli (*)	6187-2:1996	100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm.

Hà Nam, ngày 08 tháng 07 năm 2020

KIỂM NGHIỆM VIÊN



LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 544/XN-KSBT)



1. Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM 1**
2. Mã số mẫu: 20.06.25 - 544/QL - NTP
3. Mô tả mẫu: Mẫu được lấy đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
5. Ngày lấy mẫu: 25/06/2020
6. Ngày nhận mẫu: 25/06/2020
7. Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/06/2020 đến 08/07/2020.
8. Nơi lấy mẫu: Lấy tại gia đình Duy Mạnh (Mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy số 2 – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam)
Địa chỉ: Thôn 3, Thi Sơn, Kim Bảng, Hà Nam.
9. Tài liệu kèm theo: Không
10. Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	11,2	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,1	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,72	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/l	136	300
6	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/l	58,14	250
7	Hàm lượng Mangan (*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,067	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số (*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,054	0,3
9	Hàm lượng Nitrit (*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,084	3
10	Hàm lượng Nitrat (*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	2,6	50
11	Hàm lượng Asen(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (< 0,001)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/l	2,0	2
13	Hàm lượng Amoni (*)	TCVN 6179:1996	mg/l	0,65	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,41	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	36,2	250
16	Coliforms (*)	TCVN	MPN/	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli (*)	6187-2:1996	100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM 1” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm.

Hà Nam, ngày 08 tháng 07 năm 2020

KIỂM NGHIỆM VIÊN



LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

KS. Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 545/XN-KSBT)



1. Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM 2**
2. Mã số mẫu: 20.06.25 - 545/QL - NTP
3. Mô tả mẫu: Mẫu được lấy đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
5. Ngày lấy mẫu: 25/06/2020
6. Ngày nhận mẫu: 25/06/2020
7. Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/06/2020 đến 08/07/2020.
8. Nơi lấy mẫu: Lấy tại số nhà 1 (Mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy số 2 – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam)
- Địa chỉ: Đường Lý Thường Kiệt, Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam.
9. Tài liệu kèm theo: Không
10. Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	11,2	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,1	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,72	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/l	138	300
6	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/l	58,14	250
7	Hàm lượng Mangan (*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,067	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số (*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,055	0,3
9	Hàm lượng Nitrit (*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,084	3
10	Hàm lượng Nitrat (*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	2,7	50
11	Hàm lượng Asen(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (< 0,001)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/l	2,4	2
13	Hàm lượng Amoni (*)	TCVN 6179:1996	mg/l	0,68	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,4	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	36,5	250
16	Coliforms (*)	TCVN	MPN/	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli (*)	6187-2:1996	100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM 2” trên không đạt tiêu chuẩn.

Hà Nam, ngày 08 tháng 07 năm 2020

KIỂM NGHIỆM VIÊN



LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

**KI. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

KS. Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Trung Thành

Trần Tất Luận

- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định